

Bản án số: 421/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2025.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Ông Vũ Huy Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 100/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025. Về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bích TT, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp 1, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Bửu LL, sinh năm: 1980. Địa chỉ: B8/25 ấp 2, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được bà Phạm Thị Bích TT trình bày: Bà Phạm Thị Bích TT và ông Trần Bửu LL tự nguyện kết hôn vào năm 2012. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 25/2012; quyển 01/2012; ngày 23/02/2012. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc và có 01 con chung tên Trần Minh Đăng, sinh ngày 01/01/2013.

Đến đầu năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được; nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; không ai quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên bà TT yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông LL.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Minh Đăng, sinh ngày 01/01/2013. Bà TT yêu cầu được nuôi con và bà không yêu cầu ông LL cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn – ông Nguyễn Thanh LL trình bày: ông Nguyễn Thanh LL xác nhận lời trình bày của bà TT về quan hệ hôn nhân là đúng sự thật; Bà Phạm Thị Bích TT và ông Trần Bửu LL tự nguyện kết hôn vào năm 2012. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, huyện

Bình Chánh. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 25/2012; quyền 01/2012; ngày 23/02/2012. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc và có 01 con chung tên Trần Minh Đăng, sinh ngày 01/01/2013.

Đến đầu năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được; nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; không ai quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên bà TT yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông LL. Ông LL đồng ý ly hôn với bà TT.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Minh Đăng, sinh ngày 01/01/2013. Bà TT yêu cầu được nuôi con và bà không yêu cầu ông LL cấp dưỡng nuôi con. Ông LL đồng ý giao trẻ Đăng cho bà TT nuôi dưỡng. Ông LL không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thỏa thuận được với nhau các nội dung sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Bửu LL và bà Phạm Thị Bích TT thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: ông Trần Bửu LL và bà Phạm Thị Bích TT thỏa thuận giao trẻ Trần Minh Đăng, sinh ngày 01/01/2013 cho bà TT nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: ông Trần Bửu LL và bà Phạm Thị Bích TT thỏa thuận ông LL không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: ông Trần Bửu LL và bà Phạm Thị Bích TT tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: ông Trần Bửu LL và bà Phạm Thị Bích TT cùng xác nhận là không có.

Ngày 19/3/2025, ông Trần Bửu LL có đơn rút thỏa thuận hòa giải thành ngày 17/3/2025; lý do cần thỏa thuận phân chia tài sản chung; ông sẽ nộp đơn yêu cầu phản tố và đề nghị giải quyết vụ án theo luật định.

Tại phiên tòa ông LL không đồng ý ly hôn với bà TT vì ông còn thương yêu vợ con và ông đề nghị hoãn phiên tòa xin hòa giải và yêu cầu phân chia tài sản chung. Trường hợp Tòa án cho ly hôn và giao con cho bà TT nuôi thì ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà Phạm Thị Bích TT khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Trần Bửu LL; ông LL có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên

căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích TT, bà TT có đơn xin giải quyết vắng mặt; Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà TT theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 25/2012; quyền 01/2012; ngày 23/02/2012; do Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh cấp, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Bích TT và ông Trần Bửu LL là hôn nhân hợp pháp được qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Bích TT và ông Trần Bửu LL cùng xác nhận là đời sống chung có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp và không ai còn quan tâm chăm sóc nhau từ lâu.

Đồng thời, qua lời trình bày của các đương sự về mâu thuẫn và thực tế cả hai đã sống ly thân từ lâu; không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau thì có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Tại phiên tòa, ông LL cũng thừa nhận là mâu thuẫn trầm trọng, không thể sống chung với nhau và cả hai đã sống ly thân từ lâu, không ai còn quan tâm đến nhau, không liên hệ với nhau; Tuy nhiên ông đề nghị Tòa án tiến hành thêm buổi hòa giải để đoàn tụ gia đình.

Xét thấy, kể từ năm 2020 các đương sự đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; ông LL trình bày là còn thương yêu vợ con; nhưng kể từ thời điểm đó cho đến nay ông không có tự hòa giải, không quan tâm chăm sóc vợ con, không liên hệ; không đón vợ con về ở chung; không tự hóa giải các mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình; việc ông không đồng ý ly hôn với bà TT chỉ nhằm mục đích kéo dài vụ án để gập áp lực chia tài sản chung chứ không nhằm mục đích đoàn tụ gia đình như ông trình bày.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Phạm Thị Bích TT yêu cầu ly hôn với ông Trần Bửu LL là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Bích TT.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Minh Đăng, sinh ngày 01/01/2013. Bà TT yêu cầu được nuôi con và bà không yêu cầu ông LL cấp dưỡng nuôi con. Ông LL đồng ý giao trẻ Đăng cho bà TT nuôi dưỡng. Ông LL tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng; thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con vào ngày 28 hàng tháng; bắt đầu thực hiện vào ngày 28/5/2025.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ Đăng thì cả trẻ cũng thể hiện mong muốn là được ở với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do trẻ còn nhỏ và để ổn định về sự phát triển tâm sinh lý của trẻ nên chấp nhận yêu cầu của nuôi con của bà TT; giao trẻ Trần Minh Đăng, sinh ngày 01/01/2013 cho bà TT trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông LL tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng; thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con vào ngày 28 hàng tháng; bắt đầu thực hiện vào ngày 28/5/2025.

Trường hợp ông Trần Bửu LL không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì bà TT có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông LL có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp ông LL chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông LL phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con được quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng nuôi.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà TT trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Ông Trần Bửu LL khai có tài sản chung; ông đề nghị đề ông và bà TT thỏa thuận phân chia tài sản chung xong thì ông sẽ ký biên bản thuận tình ly hôn. Tòa đã tạo điều kiện và cho thời gian để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung, nhưng không đương sự nào thông báo cho Tòa án biết kết quả thỏa thuận. Đồng thời ông LL cũng không nộp được các chứng cứ yêu cầu Tòa án chia tài sản chung.

Xét thấy, tại đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có đương sự nào yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung; đồng thời không có đương sự nào cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Tòa án chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện vì không thể tự đặt ra để giải quyết.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định “Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”. Trong vụ án này, các đương sự không có yêu cầu giải quyết về việc phân chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không thể tự đặt ra để giải quyết.

Do đó, nếu các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác là phù hợp pháp luật.

[2.4] Xét lời phát biểu về tố tụng và nội dung của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở và phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Phạm Thị Bích TT phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng; ông LL chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 6; Điều 91, 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Bích TT đối với ông Trần Bửu LL.

Bà Phạm Thị Bích TT được ly hôn với ông Trần Bửu LL. Quan hệ hôn nhân

giữa bà Phạm Thị Bích TT và ông Trần Bửu LL chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 25/2012; quyển 01/2012; ngày 23/02/2012; do Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: giao 01 con chung tên Trần Minh Đăng, sinh ngày 01/01/2013 cho bà TT trực tiếp nuôi dưỡng..

Ông Trần Bửu LL có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông LL tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng; thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con vào ngày 28 hàng tháng; bắt đầu thực hiện vào ngày 28/5/2025.

Trường hợp ông Trần Bửu LL không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì bà TT có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông LL có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp ông LL chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông LL phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con được quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng nuôi .

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Bích TT khai là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí:

4.1. Bà Phạm Thị Bích TT chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0051993 ngày 10/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí.

4.2. Ông Trần Bửu LL chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự (4);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Cơ quan nơi thực hiện việc
đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ
TỌA PHIÊN TÒA**

2AAKKBR*ajdcai+

Vũ Ngọc Chiến